

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39** /2021/DSST

Ngày 27/5/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vũ Xuân Thụ; 2/ Ông Hoàng Tuyền.

*** Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê KĐăm;** chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai;** chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 181/2021/TLST-DS ngày 06/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXX- ST ngày 07/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1971 (Có mặt) và bà **Bùi Thị Như M**, sinh năm 1969 (Có mặt). Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:** Ngày 05/01/2020, bà cho bà Bùi Thị Như M và ông Bùi Văn C (gọi tắt là vợ chồng bà M) vay **21.198.000đ**, bên vay hẹn đến ngày 20/11/2020 sẽ trả nợ. Tiếp đến, ngày 06/01/2020 bà cho vợ chồng bà M vay **134.687.000đ** và hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ trả hết nợ. Tổng cộng 02 lần vay là **155.885.000đ** (một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng) và các bên thỏa thuận lãi suất phát sinh với mức 2%/tháng.

Đến hạn trả nợ, nhiều lần yêu cầu nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Do vậy, yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng bà Bùi Thị Như M, ông Bùi Văn C có nghĩa vụ trả nợ gốc **155.885.000đ** và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác.

*** Bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị Như M là bị đơn trình bày:** Vợ chồng bà M đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại còn nợ tiền gốc của nguyên đơn là **155.885.000đ** và tiền lãi suất phát sinh từ ngày ký giấy vay tiền cho đến nay. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả nợ gốc, yêu cầu bên cho vay không tính tiền lãi suất phát sinh. Vợ chồng bà cam kết trả nợ theo từng năm và số tiền trả nợ sẽ phụ thuộc vào điều kiện thu nhập nên không xác định được số tiền cụ thể hàng năm trả được là bao nhiêu, nếu không thống nhất về phương án trả nợ, sẽ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn cho rằng trong tổng số 155.885.000đ có cộng tiền lãi suất, nhưng không xác định cụ thể tiền tiền lãi suất là bao nhiêu và không có tài liệu chứng cứ để giao nộp cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 155.885.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, buộc bị đơn nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ về tài sản. Bị đơn cư trú tại huyện Ea H'leo. Do vậy, đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị đơn khai nhận trong tổng số 155.885.000đ có cộng tiền lãi suất là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Hơn nữa, bị đơn không giao nộp được tài liệu chứng cứ để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ và không xác định cụ thể số tiền lãi suất là bao nhiêu. Mặt khác, tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận đã đọc và hiểu rõ nội dung của Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 05/01/2020 và ngày 06/01/2020, rồi ký nhận. Bị đơn cũng thừa nhận bản tự khai và biên bản lấy lời khai của các bị đơn là tự nguyện khai nhận và hiểu rõ nội dung trước khi ký nhận. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 05/01/2020, bà Nguyễn Thị N cho vợ chồng bà M vay 21.198.000đ và ngày 06/01/2020 cho vay 134.687.000đ là các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật

Dân sự. Tổng số tiền vợ chồng bà M vay của bà Nguyễn Thị N là **155.885.000đ**. Đến thời hạn trả nợ, nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc **155.885.000đ** là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tiền lãi suất: Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, các đương sự đều thừa nhận khi xác lập hợp đồng vay tài sản các bên đều thỏa thuận về tiền lãi suất phát sinh. Như vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện, buộc vợ chồng bà M có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận. Các bên có thỏa thuận về mức lãi suất vượt quá theo quy định của pháp luật, do vậy buộc vợ chồng bà M có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh cho bà Nguyễn Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên phải chịu tiền lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể vợ chồng bà M có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh cho bà Nguyễn Thị N như sau:

I/ Đối với khoản vay 21.198.000đ ngày 05/01/2020: Từ ngày 05/01/2020 đến ngày 20/11/2020 = 10 tháng 15 ngày, tức 315 ngày.

1/ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $(21.198.000đ \times 20\%/năm \times 315 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 3.658.000đ$;

2/ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $(3.658.000đ \times 10\%/năm \times 315 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 315.000đ$;

3/ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: $(21.198.000đ \times 20\%/năm \times 186 \text{ ngày}) \times 150\% : 365 \text{ ngày} = 3.240.000đ$.

Tổng lãi suất của khoản vay 21.198.000đ bị đơn phải trả: **3.658.000đ + 315.000đ + 3.240.000đ = 7.213.000đ**.

II/ Đối với khoản vay 134.687.000đ ngày 06/01/2020: Từ ngày 06/01/2020 đến ngày 30/12/2020 = 11 tháng 24 ngày, tức 354 ngày.

1/ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $(134.687.000đ \times 20\%/năm \times 354 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 26.125.000đ$;

2/ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $(26.125.000đ \times 10\%/năm \times 354 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 2.533.000đ$;

3/ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: $(134.687.000đ \times 20\%/năm \times 146 \text{ ngày}) \times 150\% : 365 \text{ ngày} = 16.162.000đ$.

Tổng lãi suất của khoản vay 134.687.000đ bị đơn phải trả: **26.125.000đ + 2.533.000đ + 16.162.000đ = 44.820.000đ**.

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn: **21.198.000đ + 134.687.000đ + 7.213.000đ + 44.820.000đ = 207.918.000đ** (Hai trăm lẻ bảy

triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng), trong đó nợ gốc: 155.885.000đ và lãi suất: 52.033.000đ.

[3] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 207.918.000đ X 5% = 10.395.000đ.

Trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

I/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị Như M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền: **207.918.000đ** (Hai trăm lẻ bảy triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng), trong đó nợ gốc: 155.885.000đ và lãi suất: 52.033.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

II/ Về án phí: Ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị Như M phải nộp **10.395.000đ** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí **3.897.000đ**, mà bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai số: 0000018 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

III/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Bảo